

Bản án số: 58/2022/DS-ST
Ngày: 15/3/2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản, hợp đồng thuê nhà

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Ngọc Bích
2. Ông Đặng Đình Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thuê nhà theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 712/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** Ông Lục T C, sinh năm 1982 – Vắng mặt
Bà Trần N H, sinh năm 1985 – Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Block A2 lớn, lầu 26, phòng số 12, chung cư HAGV, số 856 TQB, Phường N, Quận T, Thành phố H

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn T K H, sinh năm 1979, địa chỉ: 400 HVT, Phường B, quận TB, Thành phố H là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 01682, ngày 07/5/2021 lập tại Văn phòng công chứng NĐN, Thành phố H) – Có mặt

- Bị đơn:** 1. Công ty MK

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 30-32 YS, Phường NTB, Quận M, Thành phố H

Người đại diện hợp pháp của Công ty: Bà Dương T B T, sinh năm 1985, Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật – Có mặt

2. Ông Võ Đ H L, sinh năm 1987 – Có mặt

Địa chỉ: Block A2 nhỏ, lầu 27, phòng số 4, chung cư HAGV, số 856 TQB, Phường N, Quận T, Thành phố H

- *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị TH, sinh năm 1981 – Vắng mặt

Địa chỉ: 217/11/25 BDT, phường HB, quận BT, Thành phố H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- ***Tại đơn khởi kiện ngày 06/5/2021, bản khai ngày 14/5/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:***

Vợ chồng nguyên đơn và vợ chồng ông Võ Đ H L, bà Dương T B T (đại diện theo pháp luật của Công ty MK) có quan hệ bạn bè, vì tin tưởng nhau nên khi Công ty của bị đơn có nhu cầu về tiền vốn để kinh doanh thì nguyên đơn đã đồng ý giúp đỡ, hai bên đã thực hiện các giao dịch sau:

+ *Về phần vốn vay:* Ngày 17/9/2020, nguyên đơn và Công ty MK (Sau đây gọi là Công ty) ký hợp đồng nguyên tắc về việc vay vốn giữa Công ty và ông C, số tiền vay là 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày 17/9/2020, lãi suất 5%/tháng. Ngay sau khi ký hợp đồng, ông C đã nhờ bà Lê T T H chuyển khoản vào tài khoản của bà T là 2.000.000.000 đồng. Ngày 18/01/2021, Công ty MK chỉ trả được 50.000.000 đồng tiền nợ gốc, Công ty chưa trả tiền lãi cho ông C.

Ngày 29/10/2020, Công ty ký hợp đồng nguyên tắc về việc vay vốn với bà Hương, số tiền vay là 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày 29/10/2020, lãi suất 5%/tháng. Ngay sau khi ký hợp đồng, ông C đã chuyển khoản online vào tài khoản của bà T là 2.000.000.000 đồng. Hợp đồng này, Công ty chưa trả cho bà H số tiền gốc và tiền lãi.

Tổng số tiền nợ gốc hai khoản vay trên là 3.950.000.000 đồng.

+ *Về hợp đồng thuê nhà:*

Bà H có ký hợp đồng thuê mặt bằng với Công ty MK theo Hợp đồng thuê mặt bằng số 01/MKCG/2020 ngày 01/10/2020 tại địa chỉ tầng 01 phòng B1, số 302-304 VVKt, Phường CG, Quận M, Thành phố H. Theo Hợp đồng thì thời hạn thuê là 05 năm kể từ ngày 01/01/2021, giá thuê là 10.000.000 đồng/tháng, đặt cọc số tiền là

30.000.000 đồng, bà H đã chuyển khoản online số tiền cọc là 30.000.000 đồng cho Công ty và Công ty đã bàn giao mặt bằng cho bà H từ ngày 29/9/2020 để bà H sửa chữa và đưa vào hoạt động. Tuy nhiên, đến ngày 25/01/2021 thì Công ty thông báo thu hồi mặt bằng trước thời hạn. Trước tình hình trên, Công ty đã thỏa thuận bồi thường hợp đồng cho bà H số tiền sửa chữa mặt bằng là 195.000.000 đồng và hoàn cọc số tiền 30.000.000 đồng. Bà H đồng ý và hai bên đã hoàn tất việc giao trả mặt bằng theo thỏa thuận, nhưng đến nay phía Công ty vẫn chưa thanh toán bất cứ khoản tiền nào liên quan đến việc thuê mặt bằng cho bà H.

+ Về Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp:

Ngày 10/02/2020, ông L và ông C có ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của ông L tại Công ty MK cho ông C theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01/2020/HDCNVG với nội dung: Ông L đồng ý chuyển nhượng phần vốn góp là 1.500.000.000 đồng tương đương 7,5% tổng vốn điều lệ của Công ty MK cho ông C được toàn quyền sở hữu.

Sau khi ký kết, ông C đã thực hiện đúng thỏa thuận là chuyển vào tài khoản của ông L số tiền 1.500.000.000 đồng. Ông L cam kết sẽ bàn giao phần vốn góp và thực hiện các thủ tục cần thiết để ông C có tên trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên cho đến nay ông C vẫn chưa nhận được thông báo là thành viên của Công ty.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn: Trả số tiền vay là 3.950.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất của pháp luật quy định là 20%/năm, kể từ ngày bắt đầu hợp đồng vay đến ngày xét xử sơ thẩm 15/3/2022 là 1.131.397.260 đồng (cả 02 khoản vay), trả 225.000.000 đồng tiền bồi thường chấm dứt hợp đồng thuê nhà trước thời hạn và yêu cầu trả ngay khi quyết định, bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Đối với yêu cầu buộc bị đơn phải hoàn tất thủ tục chuyển nhượng cổ phần cho ông Lục TC, đăng ký tên ông C là cổ đông của Công ty MK trên Giấy đăng ký kinh doanh với số vốn góp 7,5% vốn điều lệ Công ty. Ngày 21/01/2022, nguyên đơn có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện này.

- Bị đơn Công ty MK có người đại diện theo pháp luật là bà Dương T B T trình bày:

+ Đối với hợp đồng vay tài sản: Công ty có ký với ông C và bà H 02 hợp đồng vay tài sản vào ngày 17/9/2020, với số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày 17/9/2020, lãi suất 5%/tháng, hợp đồng vay này Công ty đã trả được 50.000.000 đồng, hiện nay còn nợ 1.950.000.000 đồng; Ngày 29/10/2020,

Công ty ký hợp đồng nguyên tắc về việc vay vốn với bà H, số tiền vay 2.000.000.000 đồng, thời hạn 3 tháng kể từ ngày 29/10/2020, lãi suất 5%/tháng. Cả 02 khoản vay này Công ty chưa trả tiền lãi, Công ty đồng ý trả số tiền vay trên và đồng ý với mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu là 20%/năm, nhưng hiện nay Công ty đang gặp khó khăn về kinh tế do ảnh hưởng bởi dịch bệnh nên xin được trả số tiền trên trong thời hạn 01 năm và chia làm 4 kỳ thanh toán.

+ *Đối với hợp đồng thuê nhà:* Bà H có ký hợp đồng thuê mặt bằng với Công ty MK theo Hợp đồng thuê mặt bằng số 01/MKCG/2020 ngày 01/10/2020 tại địa chỉ tầng 01 phòng B1, số 302-304 VVK, Phường CG, Quận M, Thành phố H. Theo Hợp đồng thì thời hạn thuê là 05 năm kể từ ngày 01/01/2021, giá thuê là 10.000.000 đồng, đặt cọc số tiền là 30.000.000 đồng, bà H đã chuyển khoản online số tiền cọc là 30.000.000 đồng cho Công ty MK và Công ty đã bàn giao mặt bằng cho bà H từ ngày 29/9/2020 để bà H sửa chữa và đưa vào hoạt động. Tuy nhiên, do cần lấy lại mặt bằng sớm, nên Công ty thông báo thu hồi mặt bằng trước thời hạn, Công ty MK đã thỏa thuận bồi thường hợp đồng cho bà H số tiền 195.000.000 đồng tiền sửa chữa mặt bằng và hoàn cọc số tiền 30.000.000 đồng. Do Công ty gặp khó khăn về kinh tế do ảnh hưởng bởi dịch bệnh nên đến nay vẫn chưa hoàn trả cho bà H số tiền trên, Công ty đồng ý trả số tiền 225.000.000 đồng cho bà H, nhưng xin được trả dần trong thời hạn 01 năm.

+ *Đối với yêu cầu ghi tên ông C vào cổ đông Công ty MK:* Ngày 21/01/2022, ông C có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện này, Công ty không có ý kiến gì khác.

- Bị đơn là ông Võ Đ H L trình bày:

Ông Lục TC có mua lại cổ phần của ông tại Công ty MK là 7,5% tổng vốn điều lệ Công ty theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01/2020/HĐCNVG ký ngày 10/02/2020. Phần vốn góp này của ông C cũng có giá trị chuyển đổi thành trái phiếu dài hạn theo lãi suất 10%/năm, tất toán cuối kỳ vào ngày 10/3 hằng năm và bắt đầu từ 30/3/2021. Từ khi ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần cho ông C thì ông C không còn trách nhiệm và nghĩa vụ liên quan, việc ghi tên ông C vào thành viên cổ đông của Công ty MK là trách nhiệm của Công ty. Ngày 21/01/2022, ông C có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện này, ông không có ý kiến gì khác.

- Bà Lê T T H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngày 17/9/2020 bà có chuyển số tiền 2.000.000.000 đồng vào tài khoản của bà Dương T B T, bà xác nhận số tiền trên là tiền của ông Lục TC nhờ bà chuyển dùm cho bà T, không phải tiền của bà. Do đó, bà không liên quan gì

đến số tiền trên và đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt bà trong suốt quá trình tố tụng.

- *Những vấn đề các bên không thỏa thuận được với nhau:* Thời hạn thanh toán và phương thức thanh toán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét và thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào xác nhận của hai bên tại phiên tòa, xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 3.950.000.000 đồng và từ khi vay đến nay chưa trả tiền lãi, đồng thời xác định số tiền bồi thường chấm dứt hợp đồng thuê nhà trước thời hạn là 225.000.000 đồng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay, tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm và tiền bồi thường chấm dứt hợp đồng thuê nhà trước thời hạn ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Ông Lục TC và bà Trần N H khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng thuê nhà với bị đơn là Công ty MK và ông Võ Đ H L; bị đơn là Công ty MK có trụ sở tại địa chỉ tầng 3 tòa nhà số 30-32 YS, Phường NTB, Quận M, Thành phố H; căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm h khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu Công ty MK trả số tiền vay là 3.950.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất của pháp luật quy định là 20%/năm, tính đến ngày 15/3/2022 là 1.131.397.260 đồng; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, được bị đơn xác nhận trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, gồm:

+ Hợp đồng nguyên tắc về việc vay vốn giữa Công ty MK và bà Trần N H ngày 17/9/2020, Công ty MK và ông Lục TC 29/10/2020.

+ Bảng tổng hợp khoản vay – Thống kê đến hết ngày 30/3/2021 (xác nhận giữa Công ty và ông C)

Xác định Công ty MK có vay của vợ chồng ông C, bà H số tiền 4.000.000.000 đồng theo Hợp đồng nguyên tắc số ngày 17/9/2020, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 5%/tháng, mục đích vay để huy động vốn trái phiếu ngắn hạn do dự án “MK Center Premium” và Hợp đồng nguyên tắc ngày 29/10/2020, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 5%/tháng, mục đích vay để huy động vốn trái phiếu ngắn hạn do dự án “MK Center Premium”. Ngày 18/01/2021, Công ty MK trả được 50.000.000 đồng tiền nợ gốc, còn nợ lại 3.950.000.000 đồng và chưa trả tiền lãi cho nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu Công ty MK trả số tiền vay 3.950.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật; Công ty MK đồng ý trả số tiền vay trên, nhưng cho rằng do hiện nay đang gặp khó khăn về kinh tế, bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid -19 nên không có khả năng trả nợ một lần theo yêu cầu của nguyên đơn, Công ty MK xin được trả dần trong thời hạn 01 năm và chia làm 04 kỳ thanh toán.

[4] Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn... ,trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”, hợp đồng vay tiền giữa nguyên đơn và Công ty MK đã quá thời hạn trả tiền theo thỏa thuận, do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty MK trả số tiền vay 3.950.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Về yêu cầu tiền lãi: Hợp đồng nguyên tắc giữa hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng (tương đương 60%/năm) là vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm, yêu cầu trên của nguyên đơn phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có căn cứ chấp nhận.

Số tiền lãi của Hợp đồng nguyên tắc ngày 17/9/2020, thời gian tính lãi từ ngày 17/9/2020 đến ngày 15/3/2022 là 581.260.274 đồng; Số tiền lãi của Hợp

đồng nguyên tắc ngày 29/10/2020, thời gian tính lãi từ ngày 29/10/2020 đến ngày 15/3/2022 là 550.136.986 đồng. Tổng cộng 1.131.397.260 đồng.

[6] *Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu Công ty MK trả tiền bồi thường chấm dứt hợp đồng thuê nhà trước thời hạn là 225.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.*

Căn cứ Bảng tổng hợp khoản vay – Thống kê đến hết ngày 30/3/2021 (xác nhận giữa Công ty và ông C) và lời khai của các bên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, do Công ty phải thu hồi mặt bằng tại địa chỉ tầng 01 phòng B1, số 302-304 VVK, Phường CG, Quận M, Thành phố H trước thời hạn, nên Công ty MK đồng ý bồi thường cho bà H số tiền sửa chữa mặt bằng là 195.000.000 đồng và hoàn trả tiền đặt cọc là 30.000.000 đồng, tổng cộng là 225.000.000 đồng. Tuy nhiên, do phía Công ty gặp khó khăn về kinh tế nên chưa trả số tiền trên cho bà H và đề nghị được trả dần thời hạn 01 năm. Xét, việc Công ty MK chậm trả tiền cho bà H và ông C là vi phạm khoản 1 Điều 280 Bộ luật Dân sự “*Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận*”, nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[7] Như vậy, tổng số tiền mà Công ty MK trả cho bà Hương, ông C là: 3.950.000.000 đồng + 1.131.397.260 đồng + 225.000.000 đồng = 5.306.397.260 đồng.

[8] Đối với yêu cầu ghi tên ông C vào cổ đông Công ty MK: Ngày 21/01/2022, ông C và bà H có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện trên, xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông C, bà H là tự nguyện nên được ghi nhận, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện này của ông C, bà Hương.

[9] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm h khoản 1 Điều 40, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 280, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty MK chịu trách nhiệm trả cho ông Lục TC và bà Trần N H số tiền nợ vay 3.950.000.000 đồng (Theo Hợp đồng nguyên tắc về việc vay vốn giữa Công ty MK và bà Trần N H ngày 17/9/2020, Công ty MK và ông Lục TC 29/10/2020); tiền lãi 1.131.397.260 đồng và tiền bồi thường chấm dứt hợp đồng thuê nhà trước thời hạn 225.000.000 đồng. Tổng cộng 5.306.397.260 đồng (Năm tỷ, ba trăm lẻ sáu triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm sáu mươi đồng), trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật dưới sự giám sát của cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ghi tên ông Lục TC vào cổ đông Công ty .

3. Về Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty MK phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 113.306.397 đồng.

Hoàn lại cho ông Lục TC và bà Trần N H số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp 56.369.224 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0030760 ngày 07/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Lê T T H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi hành án Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ việc.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phụng